

# DAY HỌC TIỂU HỌC Ở NHỮNG VÙNG KHÓ KHĂN

ThS. LÊ HOÀI THU\*

## 1. Một số hạn chế trong quá trình triển khai dạy học tiểu học (DHTH) ở những vùng khó khăn

Trong những năm qua, được Đảng và Nhà nước hỗ trợ nhiều chính sách đặc biệt, chất lượng giáo dục (GD) ở vùng sâu, vùng xa đã được nâng cao, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển, công tác phổ cập giáo dục tiểu học (GDTH) còn gặp nhiều khó khăn. Một trong những nguyên nhân của hạn chế trên là do đa số những vùng khó khăn đều có địa hình phức tạp, địa bàn dân cư thưa thớt, không tập trung, tỉ lệ dân số là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) cao, trình độ dân trí nói chung thấp hơn so với các vùng khác...

Khác với học sinh (HS) người Kinh, trước khi đến trường, nhiều HS DTTS chưa biết sử dụng, hoặc sử dụng không sôi tiếng Việt (TV). Đối với các em, tiếng phổ thông như một "ngoại ngữ" và là rào cản lớn khiến các em khó tiếp thu tri thức trong quá trình học tập. Khi đến trường, đến lớp, các em còn rụt rè, cảm thấy xa lạ, không muốn đi học, trong khi đó, nhiều gia đình lại chưa nhận thức đúng vai trò của GD nên cũng không có những biện pháp khuyến khích, động viên kịp thời.

Mặt khác, ở nhiều địa phương, cứ mỗi mùa nước lên là HS lại phải nghỉ học vì không còn đường đi tới điểm trường. Tỉ lệ hộ nghèo ở các vùng này còn cao nên HS thường phải phụ giúp bố mẹ lo kinh tế cho gia đình. Vì vậy, HS DTTS đi học thiếu chuyên cần, đặc biệt vào mùa giáp hạt, tỉ lệ bỏ học còn khá cao.

Chủ trương "học cả ngày" ở trường tiểu học (TH) đã được Bộ GD-ĐT triển khai để tăng thời lượng học cho HS với một chương trình, nội dung khoa học, phù hợp với sự phát triển toàn diện của HS và được xác định là chiến lược lâu dài. Việc tổ chức cho HSTH học 2 buổi/ngày tại các vùng có điều kiện đã được thực hiện từ nhiều năm nay, nhưng đối với những vùng khó khăn, công việc này đang gặp những trở ngại, thách thức. Nhiều trường ở vùng sâu, vùng xa còn thiếu phòng học để dạy 2 buổi/ngày, điều kiện vật chất và thiết bị chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới (thiếu phòng thí nghiệm; thực hành, thiếu nhà vệ sinh, sân chơi, bãi tập - là những điều kiện quan trọng để phục vụ cho các môn học, chủ đề tự chọn). Tại nhiều điểm trường, số HS ít, thường được ghép nhóm, ghép lớp

cũng gây khó khăn cho giáo viên (GV) trong quá trình triển khai tiết học.

Trong giai đoạn CNH, HĐH hiện nay, GV phải nâng cao trình độ cũng như phẩm chất và tay nghề mới đáp ứng được những yêu cầu mà thực tiễn đặt ra. Dạy học (DH) cả ngày đòi hỏi phải có đủ số lượng GV, đủ loại hình và đạt chuẩn. Trong khi đó, tại các vùng khó khăn, đội ngũ GV vẫn còn đang thiếu cục bộ. Nhiều nơi, cơ cấu đội ngũ GV và cán bộ quản lý chưa thực sự hợp lý. Năng lực thực tiễn của nhiều GV chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới dạy và học, vẫn còn GV TH có trình độ trung học sư phạm 9 + 3. Trình độ đào tạo GV không đồng đều nên việc nắm bắt nội dung chương trình, sách giáo khoa (SGK) còn chậm; việc sử dụng đồ dùng DH, trực quan tranh ảnh vẫn chưa đạt được hiệu quả, phương pháp dạy học (PPDH) chậm đổi mới...

Những nguyên nhân trên đã ảnh hưởng đến quá trình duy trì, phổ cập GD cũng như chất lượng GD tại các địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa.

## 2. Phổ cập GD ở bậc TH và những đổi mới DH nhằm đảm bảo kết quả học tập của HS

1) **Phổ cập GDTH là một tất yếu:** Luật Phổ cập GDTH đã nêu rõ: "mọi trẻ em từ 6 tuổi (có thể muộn hơn 1 hoặc 2 năm) đều được đến trường; trường học dành cho trẻ em (trường TH) được xây dựng và hoàn thiện theo tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia; HS TH được hưởng GD toàn diện, được học theo nội dung, phương pháp và phương thức tổ chức phù hợp với tâm - sinh lý lứa tuổi; trong học tập, mỗi HS đều có sự tiến bộ, ít nhất đều đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu tối thiểu các môn học, các hoạt động GD; học hết TH, tất cả HS đều được tiếp tục học lên THCS; HS được vui chơi, được bảo vệ, được hưởng các quyền của trẻ em và biết thực hiện bổn phận của mình" (1).

Trong thập niên 90 của thế kỉ XX, nước ta đạt được mục tiêu phổ cập GD, xóa mù chữ là nhờ đa dạng hóa các loại hình, phương thức DH, đa dạng hóa SGK. Năm 1981, khi bắt đầu thực hiện chương trình cải cách GD ở bậc TH, chỉ có một bộ sách (nếu không tính đến bộ sách Công nghệ GD (CGD) dùng

\* Trung tâm Công nghệ giáo dục - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

trong các trường thực nghiệm). Nhưng thực tiễn cho thấy, nhiều nơi GV và HS không dạy và học được từ một bộ sách đó. Vì vậy, Bộ GD-ĐT đã tổ chức biên soạn và cho sử dụng 4 bộ SGK tương ứng với các đối tượng học tập khác nhau. Cụ thể: - *Sách 165 tuần*: dạy HS ở các vùng KT-XH bình thường; *Sách 120 tuần*: dành cho HS miền núi (chương trình được rút gọn từ bộ SGK 165 tuần, bớt những nội dung không cần thiết với HS DTTS, tập trung vào kỹ năng Tiếng Việt và Toán); *Sách 100 tuần*: dạy cho trẻ lang thang, cơ nhỡ, vừa đi học, vừa kiếm sống; - *Sách theo chương trình CGD của GS. Hồ Ngọc Đại*. Đến năm 2002, Bộ GD-ĐT đưa ra chủ trương một chương trình, một bộ sách. Tuy nhiên, tại địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc, việc duy trì phổ cập - xóa mù chữ còn gặp nhiều khó khăn khi triển khai theo bộ sách này.

Để đáp ứng nhiều điều kiện, hoàn cảnh DH khác nhau, năm 2013, Chính phủ đã chỉ đạo cho phép các cá nhân và tổ chức được tham gia biên soạn SGK dựa trên một chương trình chung thống nhất của Bộ GD-ĐT (nghĩa là, một chương trình, nhiều bộ sách). Đây là bước ngoặt lớn, thể hiện sự thay đổi tư duy, PPDH ở Việt Nam hiện nay và hy vọng sẽ đáp ứng được yêu cầu GD tại các vùng miền khác nhau, đặc biệt là vùng khó khăn, đảm bảo phổ cập GDTH và nâng cao chất lượng GD.

**2) Đổi mới DH theo hướng đưa chương trình CGD vào thực nghiệm ở các trường TH:** Những năm gần đây, **Tiếng Việt 1 - Công nghệ giáo dục (TV1 - CGD)** đã được Bộ GD-ĐT cho phép thử nghiệm ở những địa bàn khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa như Lào Cai, Hà Giang, Lạng Sơn, Kon Tum, Bình Phước, Kiên Giang...

Kết quả thực nghiệm cho thấy, chất lượng học tiếng Việt của HS DTTS đã tăng lên rõ rệt, HS phát huy được khả năng tư duy, nắm chắc được cấu tạo ngữ âm của tiếng nên đều đọc được và đọc tốt, qua thời gian nghỉ hè không quên chữ, nắm chắc luật chính tả, có kỹ năng nghe để viết chính tả tốt. Số HS tham gia chương trình CGD cũng tăng lên hàng năm. Nhiều địa phương đã triển khai 100% chương trình vào lớp 1 của vùng DTTS. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng GD của HS, kiến thức và năng lực của GV cũng được nâng lên rõ rệt qua quá trình DH. GV nắm vững được phương pháp và DH theo hướng tích cực, hình thành cho HS kỹ năng tự học, giờ dạy nhẹ nhàng, dễ thực hiện; mặt khác, vì không mất thời gian soạn bài nên GV có nhiều thời gian nghiên cứu, thiết kế tài liệu, nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ.

Năm học 2013-2014, đã có 37 tỉnh/thành triển khai rộng rãi chương trình **DH TV1-CGD** với kết quả khả quan, triển vọng. HS học theo **TV1 - CGD** ít nhất đạt chuẩn đo nghiệm theo phương án CGD: đọc 40 tiếng/phút, viết chính tả (nghe đọc - viết) 30 tiếng/12 phút; trong khi đó, kỹ năng đọc, viết theo quy định hiện hành là đọc 30 tiếng/phút, viết (nhìn chép) 30 tiếng/15 phút.

Những kết quả có được này là do phương án CGD được xây dựng theo quan điểm phù hợp, chương trình CGD (ví dụ **TV1**) được xây dựng theo 3 nguyên tắc: - *Phát triển*: theo logic phát triển của ngôn ngữ học và cơ sở của các khoa học có liên quan; - *Chuẩn mực*: theo chuẩn mực khoa học (ngôn ngữ học) và chuẩn mực của các khoa học có liên quan (trước hết là sư phạm học); - *Tối ưu* (GS. Hồ Ngọc Đại gọi là "tối thiểu"): nội dung HS cần học vừa đủ để đạt được mục tiêu mà không quá tải, không thiếu tải, đồng thời đảm bảo được sự phân hóa.

SGK được trình bày với nhiều điểm đáng chú ý, khác biệt so với SGK thông thường của Bộ GD-ĐT. Cụ thể, để thể hiện yêu cầu tối thiểu và phân hóa, SGK được chia thành 2 trang: trang chẵn dành cho những yêu cầu tối thiểu về kiến thức mà tất cả HS cần nắm được (có tính bắt buộc); trang lẻ dành cho sự phân hóa HS, tùy hoàn cảnh, điều kiện, trình độ nhận thức của từng cá nhân, HS có thể học và lĩnh hội toàn bộ nội dung có trong trang sách, hoặc chỉ đạt một phần nội dung trong đó (trang này dành để phân hóa trình độ, năng lực của HS).

Cùng với SGK, có sách thiết kế (hay có thể gọi là bài soạn) dành cho GV. Theo hướng dẫn, GV tổ chức dẫn dắt HS thực hiện các hoạt động học tập cụ thể với yêu cầu, HS nào cũng làm việc, HS nào cũng có sản phẩm của mình.

Ngoài SGK cho HS, sách thiết kế cho GV, nhóm tác giả còn biên soạn sách dành cho cha mẹ HS, giúp các bậc cha mẹ tìm hiểu về quan điểm GD, nội dung và phương pháp mới trong việc dạy và học theo phương án CGD, để mọi người đều có thể tham gia vào việc GD con em theo cơ chế phân công - hợp tác, tạo sự đồng thuận trong GD. Đây cũng là cách thức thực hiện chủ trương xã hội hóa GD.

Trong những năm học tới, phương án **TV1 - CGD** vẫn tiếp tục được các địa phương lựa chọn và áp dụng rộng rãi để đảm bảo chất lượng học tập của HS.

### **3. Một số dẫn chứng minh họa DH theo phương án CGD**

Dưới đây, chúng tôi trình bày ví dụ một vài thao tác trong **DH TV1 - CGD**:

• Theo nghiệp vụ cũ: 1) GV viết lên bảng các chữ: e - b - be; 2) GV giảng, chữ này gọi là /e/, chữ này gọi là /b/, chữ này gọi là /be/; 3) HS nhắc lại theo GV: /e/ - /b/ - /b/ - /e/ - /be/.

• Theo phương án CGD: 1) GV giao việc: các em phát âm tiếng /ba/. HS nhắc lại, nói to /ba/; 2) GV giao việc: em phân tích tiếng /ba/ ra hai phần. HS vừa nói, vừa vỗ tay: /ba/ - /bờ/ - /a/ - /ba/.

1. GV giao việc: vẽ mô hình tiếng /ba/, chỉ rõ đâu là vị trí của /b/, của /a/?

HS thực hiện.

2. GV giao việc: các em phát âm âm /a/, chú ý đến cách phát âm, luồng hơi đi ra. GV phát âm mẫu, nói to /a/.

HS phát âm nhắc lại, nói to /a/.

3. GV: các em phát âm lại, nhận xét luồng hơi đi ra thế nào, bị cản hay tự do?

HS: luồng hơi đi ra tự do thoải mái.

4. GV: dùng lòng bàn tay hứng luồng hơi đi ra, xem nó đi ra tự do thoải mái như thế nào?

HS: (phát âm) có thể kéo dài thoải mái, cho đến hết hơi thì thôi.

5. GV giới thiệu: khi phát âm âm /a/, luồng hơi đi ra tự do, nên âm /a/ gọi là nguyên âm.

6. GV: Em nhận ra âm nào là nguyên âm /e/, /ê/, /i/, /m/, /n/, /ng/ ...

Như vậy, khi tự mình phát âm, HS nhận ra bản chất ngữ âm của âm vốn có tự nhiên trong cuộc sống thực. □

(1) Luật phổ cập giáo dục tiểu học. NXB Chính trị quốc gia, H. 2009.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Kỷ yếu hội nghị “Đánh giá dạy học thí điểm tài liệu Tiếng Việt 1 - Công nghệ giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số năm học 2009-2010 và triển khai dạy học tài liệu Tiếng Việt 1 - Công nghệ giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số năm học 2010-2011”, Hà Nội, tháng 7/2010.

2. Hồ Ngọc Đại. Tài liệu tập huấn giáo viên dạy Tiếng Việt lớp 1 - Công nghệ giáo dục. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2012.

3. Nguyễn Kế Hào. “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục tiểu học”. Tạp chí Giáo dục, số 299/2012.

4. Nguyễn Kế Hào. “Đào tạo giáo viên phổ thông trong giai đoạn đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam”. Tạp chí Giáo dục, số 325/2014.

5. Nguyễn Kế Hào. “Trẻ em vượt “cửa ải” lớp một”. Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Tâm lý học và an toàn con người”. NXB Lao động, H. 2014.

6. Trần Đình Thuận - Phan Sắc Long. “Dạy học cả ngày - chiến lược đảm bảo và phát triển chất lượng

giáo dục tiểu học Việt Nam”. Tạp chí Giáo dục, số 299/2012.

7. Ngô Thị Tuyên. Nghiên cứu phương thức triển khai Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục (CGD) về địa phương và đề xuất giải pháp tối ưu trong điều kiện hiện có. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam. Trung tâm nghiên cứu Công nghệ giáo dục, 2011.

#### SUMMARY

Vietnam Communist Party and State always special care to education in the region, where ethnic minorities live. On the disadvantaged areas, maintaining universal Primary education and improving the quality of education are in the face of many difficulties. The article highlighted the limitations of teaching process of the Primary education in disadvantaged areas and pointed out a education solution to enhance the quality of teaching.

## Một số biện pháp đổi mới đánh giá...

(Tiếp theo trang 53)

Education” in Finland, the University of Turku, 30-31 August, 2007.

(7) Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam. Tài liệu cho chương trình phát triển đào tạo viên VTOS, 2007.

(8) Bộ GD-ĐT. Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.

#### Tài liệu tham khảo

1. Cheng Ke. “Computer - based language testing: Perspectives of the past and the future”. Proceedings of 2009 4<sup>th</sup> International conference on Computer Science & Education.

2. Cheng Ke - Wang Yingwei - Hou Xiaoli - Yang Yajun. “Computer-assissted formative assessment in language classroom: Focus and Form”. Proceeding of the 6<sup>th</sup> International Conference Science & Education, Singapore, 2011.

#### SUMMARY

The paper proposes some practical measures for renovating the learning outcome assessment of languages for specific purposes among students in Tourism Colleges of under the management of the Ministry of Culture, Sports and Tourism, in the context of radical and comprehensive renovation of education and training in the spirit of the Resolution of 8<sup>th</sup> Conference of 11<sup>th</sup> Communist Party Central Committee.